

Ký Ức Sài Gòn (1)

*Song Thao

Tôi rời nơi chôn rau cắt rốn Hà Nội khi chỉ còn đúng 4 ngày nữa là bước qua tuổi 16, tuổi dậy thì. Nơi tới là Sài Gòn. Tôi bay bằng máy bay Cosara được Không Quân Pháp trưng dụng để chở nhân viên và gia đình vào Sài Gòn khi hiệp định Genève chia cắt đất nước vừa được ký kết một tuần trước. Khi đó chưa có phong trào di cư, cậu bé (hay chàng trai) sắp 16 tuổi lòng phơi phới lần đầu được đi máy bay tới một nơi xa tít, tuốt tận miền Nam đất nước. Sài Gòn, nơi tôi bắt đầu tuổi thanh niên. Cái tuổi đẹp nhất đời người của tôi tại Sài Gòn dài tới 41 năm, ăn đứt 16 năm tại Hà Nội, chốn thơ dại của tôi. Ký ức của tôi về thành phố thân thương này rất đậm đà. Đậm đà không kém người dân chính gốc Sài Gòn. Từ ngày thành phố mất tên, ký ức về Sài Gòn là ký ức chung của những người dân Sài Gòn, dân chính gốc cũng như dân ngụ cư.

Khi tôi tới Sài Gòn, tên đường phố chưa thay đổi. Vẫn là những tên Pháp. Ông Catinat hay ông Bonard là các ông cha căng chú kiết nào, không cần biết nhưng hai con đường mang tên hai ông thì tuổi trẻ Sài Gòn khi đó đều biết. Hồi đó, vào ngày Chủ Nhật hay ngày lễ, thanh niên thanh nữ dập dìu bát phố trên hai con đường trung tâm này. Hành động này được gọi là “Catinater” hay “Bonarder”. Dân bát phố chế thêm chữ “délixiquachté”, nghĩa là “hết xí quách”! Làm chi mà không hết xí quách khi cứ đi lên đi xuống giờ này qua giờ khác. Những anh chị có đôi có cặp đi rước đèn loanh quanh cho thiên hạ thêm chơi. Các anh cu ki dắt tay nhau đi nghề gái. Ngày đó chuyện này là thường tình. Ngày nay mà hai anh đực rựa dắt tay trên đường sẽ bị nhìn bằng con mắt nghi ngờ. Những tà áo dài tha thướt, những mini-jupe hững hờ, dắt tay nhau tung tăng cho mấy anh mắt la mà yểu lệch mắt. Họa sĩ Hà Cẩm Tâm cảm tác:

“Buổi chiều. Từ chợ mới Sài Gòn đầu đường Lê Lợi hay từ nhà thờ Đức Bà đầu đường Tự Do trai thanh gái lịch kéo nhau từng cặp từng nhóm từng đoàn về bờ sông Sài Gòn. Gió hây hây từ sông Sài Gòn lùa vào mát rượi cả thành phố hoàng hôn. Những bước chân lú lo, những tâm hồn rộn rã, những hứng thú hàn huyên, những tiếng cười giòn tan... là những ấn dấu của một thời nhàn du thả không thể nào xóa mờ trong tâm trí. Những nhà sách đồ sộ. Những góc phố hàng hà sách bán xôn. Những nhà hàng sang trọng. Những bữa cơm vỉa hè. Những dancing lừng lẫy. Vài quán nhỏ nhâm nhi. Những ca sĩ áo dài má phấn môi son. Một hát dạo xàng xê vệ đường (...) Lưu lạc giang hồ trăm nơi ngàn chốn, tình cảnh đủ điều văn minh vật chất, siêu đẳng như lai thoát vùng hệ lụy, lạnh thấu tủy xương, nóng ran sa mạc, buồn hơn mẹ chết, sướng tợ tiên ông, tự do như gió, stress thường xuyên, chết lên sống xuống, muốn gì được nấy... mà chẳng thấy ở đâu sống “đã” bằng ở Sài Gòn ngày ấy...”

Ký ức của Phạm Công Luận, nhà văn chuyên viết về Sài Gòn ngày cũ, người lục tung những mảnh quá khứ của Sài Gòn:

“Nhớ hoài những tháng năm đầu thập niên 1970, ở đâu chiến tranh xảy ra không biết nhưng trên đường này, dù ngoài trời đang nóng hay mát, người ta diện những bộ đồ đẹp để đi mua sắm, xem xi nê, vào tiệm chụp hình làm vài pô ảnh trước tấm phông vải vẽ cảnh biệt thự, lầu tạ. Dưới hàng cổ thụ dọc hai bên đường, hàng ngàn người di chuyển từ phía trụ sở Hạ viện lũ lượt đi về phía chợ Bến Thành. Áo dài bông, áo dài tay raglan, mini jupe của các bà các cô. Áo sơ mi bỏ vào quần hay để thong thả ra ngoài, vài ông thắt cravate... Mùi dầu thơm, mùi brillantine thoang thoảng trong nắng trong gió. Đoàn diễu hành mùa hè (lúc nào Sài Gòn cũng như đang trong mùa hè) đầy háo hức, từ những chàng trai trẻ non tơ bồn chồn vào nhà sách Lê Lợi săn tìm sách mới, tìm sách từ điển hay đi lấy báo Thế Giới Tự Do miễn phí ở thư viện Abraham Lincoln, hay như anh chàng thủy thủ tàu biển nước ngoài từ cảng mới đi lên, trở mắt nhìn mọi phía, xoay tứ phía ống kính máy ảnh”

Thư viện Abraham Lincoln của Mỹ ngày đó nằm ngay ngã tư Tự Do – Lê Lợi là nơi máy lạnh chạy vù vù mát rượi. Đi bát phố giữa cái nóng mùa hè, muốn nghỉ ngơi không chi bằng vào thư viện này đọc sách. Những cuốn sách được bao bọc vừa đẹp vừa sang. Lại phải thú tội: ngày đó tôi có anh bạn làm tại đây thỉnh thoảng giúi cho tôi ít giấy nhựa trong suốt bọc sách rất Mỹ này.

Tôi có hai lần bát phố đáng nhớ. Khoảng cuối thập niên 1950, các trường trung học đệ nhị cấp có chương trình Quân Sự Học Đường. Đồng phục quần trắng áo trắng với mũ bê-rê màu xanh sậm. Cuối tuần, chúng tôi diện đồng phục bát phố, mặt cứng cứng hãnh diện, cái hãnh diện rất trẻ con, buồn cười. Giờ nghĩ lại thấy sao hồi đó mình sến đến vậy.

Lần thứ hai là tôi đang cu ki trên đường Lê Lợi, bên vỉa hè trước rạp xi-nê Mini Rex, thì gặp cô đào Thanh Nga. Vào cuối năm 1967, trên đường từ Mỹ về Việt Nam sau khi tham dự một khóa hội thảo, tôi phải đổi máy bay từ Pan-Am qua Air Vietnam tại Hồng Kông. Có mấy bà đi buôn thấy tôi không có hành lý nhiều đã mon men làm quen xin nhận giùm hàng. Tôi từ chối. Một cô gái ngồi cạnh nhìn tôi cười hỏi: “Anh có biết em không?”. Nhìn cô gái mặt hoa da phấn rất xinh xắn, tôi tưởng cô cũng nhờ gửi đồ. Tôi lắc đầu: “Rất tiếc tôi không biết”. Cô gái có vẻ thất vọng, nói vội: “Em là Thanh Nga đây!”. Hồi đó tôi có biết chi tới cải lương nên thật tình không biết. Sau một hồi trò chuyện, cô cho tôi số nhà và rủ tôi tới chơi. Về Sài Gòn, bận bịu công việc, tôi quên bẵng chuyện này. Giờ, khoảng hai năm sau, tình cờ gặp lại cô đi với một sĩ quan, cô vẫn còn nhớ, gọi và trách tôi sao không tới chơi. Nghĩ mình thiệt cù lần lừa!

Hồi đó chúng tôi ít có thứ giải trí. Internet, YouTube, Facebook là những thứ chưa được khai sinh. Smartphone, tablette, computer vẫn còn ở tận đâu đâu. Chỉ có đọc sách và đi bát phố. Cung Tiến khi đó còn là học sinh Chu Văn An, trên tôi một lớp, có làm một bản nhạc vui mang tên “Bát Học”. Tôi còn nhớ lõm bõm ít câu:

“Một là đi hai là bát, hai chuyện đó ta không nề chi. Bát! Bát! Bát! Nếu ta không thuộc bài. Nên chuẩn và nên chuẩn...”

Bài hát kết bằng câu:

“Chủ Nhật sau đi công si. Đi công si. Công Si”

“Công si” phiên âm từ tiếng Pháp “consigne” là bị phạt tới trường để thầy phụ trách bắt làm chi thì làm nấy. Không biết có bạn nào đồng trang lứa còn nhớ bài này không. Tôi vào hỏi ChatGPT, hấn mù tịt! Hồi dòn thì hấn...tán:

“Thông tin về bản nhạc vui này khá hiếm vì nó gần như không được xuất bản chính thức, chủ yếu sống trong hồi ức của giới cựu học sinh Trường Trung học Chu Văn An và bạn bè của Cung Tiến. Điều thú vị là bài này cho thấy Cung Tiến hồi trẻ không hề “chỉ” là một nhạc sĩ u hoài, mà còn rất tinh quái và có khiếu châm biếm học trò. Sau này ông gần như không đi theo dòng nhạc vui nữa nên các bài kiểu này trở thành “hàng hiếm”. Mình chưa thấy bản chép lời đầy đủ hay bản thu âm chính thức nào còn lưu hành đáng tin cậy. Phần lớn chỉ được truyền miệng giữa những người cùng thế hệ”. Không biết chị Hữu, bà Cung Tiến, có lục tìm được trong di cảo của anh không?

Trên đường Tự Do có ba nhà hàng cà phê, nơi các văn nhân ký giả thường lui tới. Đó là La Pagode, Givral và Brodard. Tôi hay ngồi tại La Pagode mà dân ta gọi là quán Cái Chùa. Nhà văn Văn Quang, dân miền Bắc vào Sài Gòn từ năm 1953, cho ba nhà hàng này là cái “trục văn hóa không tên, phẳng phất mà rất sâu đậm trong cái hồn của Sài Gòn”. Trong bài “Văn Hóa Không Tên Tạo Nên Linh Hồn Sài Gòn Xưa”, ông viết :
« Hồi đó Pagode còn bày hàng ghế salon bọc da ra ngoài hành lang, theo lời ông Nguyễn Sa thì nó giống hệt nhiều nhà hàng ở Paris. Ngồi ở đây thoáng đặng. Khách đến thường chỉ dùng một ly cà phê, ngồi từ chiều đến tối mịt. Phía trong có một bàn đánh “tin” dành cho khách giải trí chứ không có mục đích cờ bạc kiếm tiền. Ông Hoàng Hải, anh ruột của cố chuẩn tướng Lưu Kim Cương, có thể kể là một “nhà vô địch về môn giải trí này. Chúng tôi chỉ cần mua một chục cái jeton, như đồng xu, bỏ vào khe là chơi triền miên. Cứ sắp hết lại kêu ông Hoàng Hải “cứu giá”, bonus lại đổ xuống hàng đồng jeton tha hồ chơi. Khách hàng của La Pagode hầu hết là nhà văn nhà thơ, nhạc sĩ, ca sĩ. Cứ vào buổi chiều, sau giờ tan sở là tụ tập lại đây. Tất nhiên cũng ngồi thành nhóm. Những ngày đầu tôi thường đi cùng Thanh Nam, Thái Thủy, Hoàng Thư và đến đây thường gặp các anh Nguyễn Sa, Trần Thanh Hiệp, Mặc Thu, Cung Trầm Tưởng, Mai Thảo, Phạm Đình Chương, Tạ Quang Khôi, Viên Linh, Nguyễn Đạt Thịnh, Phạm Huân, Anh Ngọc, Nhã Ca, Trần Dạ Từ, Nguyễn Đình Toàn... Quá nhiều, tôi không thể nhớ hết”.

Quán Cái Chùa là nơi tôi thường ngồi đồng nhất. Hẹn bạn bè là tới đây. Ngày đó tôi chỉ quen hai ông Nguyễn Xuân Hoàng và Nguyễn Đình Toàn. Ở đây có món Café Liegeois rất ngon. Các bà các cô rất thích. Tôi không phải là dân ghiền cà phê nên không đen cũng chẳng đen đá nên cũng khoái món ngọt ngọt này. Ngoài văn nghệ sĩ, các thanh niên thời thượng, ăn diện, cũng thường tới ngồi lấy oai. Một lần, tôi cùng Khánh Giang và Nguyễn Vũ, tới ngồi tại đây khi Nguyễn Vũ vừa về phép sau một cuộc hành quân. Nguyễn Vũ có vẻ không vui vì trận đánh vừa qua, lính của anh bị thương tổn khá nhiều. Nhìn thấy một công tử ăn mặc diêm dúa, áo quần thẳng thớm, đeo kính mát Rayban, miệng vắt vẹo cái ống điếu, trên bàn bày ra một gói thuốc ngoại quốc, ngồi sát cửa kính, ngắm các em đi qua trên đường Tự Do, Nguyễn Vũ có vẻ sôi tiết. Hấn rút cây súng lục đặt lên bàn. Chuẩn Úy Khánh Giang thấy coi bộ không xong, nhẹ nhàng bỏ cây súng vào túi. Bỗng Nguyễn Vũ tiến tới chỗ anh công

tử, mắng đại khái chúng tao hy sinh cho mày ngồi hưởng thụ như thế này sao? Anh giơ tay gạt đôi kính mát, bóp nát vụn trong tay. Tay anh bê bết máu. Anh công tử mặt xanh như tàu lá, lẩn nhanh ra khỏi tiệm.

Tôi ít khi lai vãng tới Brodard vì nơi đây hoàn toàn thiếu vắng không khí văn nghệ. Lại phải nhờ tới thổ công Văn Quang miêu tả chốn này.

“Còn nhà hàng Brodard nằm ở góc Tự Do – Nguyễn Thiệp, nhìn sang bên kia là vũ trường Tự Do của ông Cường lùn và chị “tài phán” Nhựt, bà chị này hành nghề cai quản các em “ca nhe” từ vũ trường Ritz Hà Nội vào Nam. Ở đây lại đông vui vào những buổi sáng muộn và buổi tối khi “gà lên chuồng”. Nơi lui tới của những “dân đi chơi đêm” Sài Thành. Những anh hùng “hảo hớn” như Khê – Thăng Long Xích Thổ, anh em ông Kim đầu bạc, Kính tennis, Chương Marine cũng lui tới ngồi tán chuyện giang hồ. Các “đại gia, tiểu gia” thời đó không nhiều, chỉ vốn vẹn một số ông dược sĩ, tu bíp, doanh nhân có “xế bốn bánh” đủ để chở các em đi ăn đêm. Thỉnh thoảng một vài em vũ nữ, thường là loại có hạng như Lệ Hằng, Thủy Tiên, Mỹ Khùng... ở mấy cái vũ trường gần đó như Tự Do, Mỹ Phụng, Olympia cũng la cà vào đây tán dóc”.

Như thế, thành phần khách đến Brodard có tính chất một đại chúng rất đời thường, nặng về bề ngoài vật chất. Dân đến đây không khỏi ít nhiều có thái độ khoe mẽ về sự giàu có, khả năng mua vui, hưởng thụ cuộc đời của mình. So với Givral và La Pagode – nhất là so với La Pagode, nơi ‘đóng đô’ thường xuyên của nhiều nhà văn, nhà thơ, nhà báo, nghệ sĩ trình diễn... – Brodard có vẻ ít chất văn nghệ, chữ nghĩa hơn.

Nhà hàng Givral lại là chuyện khác. Đây có lẽ là chốn cà phê lâu đời nhất Sài Gòn. Nó có mặt từ thập niên 1950 ngay trước cửa trụ sở Hạ Viện. Chủ nhân là một người Pháp sống lâu năm ở Việt Nam, ông Alain Poitier. Sau 8 tháng chuẩn bị, Givral khai trương vào cuối năm 1950, biến tiệm thuốc tây đầu tiên của Sài Gòn thành một tiệm cà phê bánh ngọt hương vị Pháp – Việt. Givral đông khách nhất vào mỗi buổi sáng khi các phóng viên ngoại quốc và các dân biểu chuyện trò trước khi qua quốc hội họp. Từ đây tin tức được truyền tai nhau, có cái đúng, có cái trật lất. Hồi đó nơi này có xức hiệu là “Radio Catinat”! Giữa không khí chính trị cũng có văn nghệ. Văn Quang kể về “trụ sở” của nhà thơ Đinh Hùng tại đây.

“Có một nhà thơ hàng đầu Việt Nam thời đó là thi sĩ Đinh Hùng, bình thường ông hay ngồi ở La Pagode, nhưng khi “hữu sự” ông lại ngồi ở Givral. Dáng người “thanh thoát” nhỏ nhắn rất thư sinh. Lúc nào ông cũng chải chuốt, complet, cravate, đầu chải mượt gọn gàng, tay luôn xách chiếc cặp da, ông còn giữ nguyên vẻ đóm dáng, lịch lãm của “công tử Hà Nội” những năm 50. Ông thường hẹn gặp những người ái mộ ở đây. Tôi để ý thấy hầu hết là những nữ độc giả rất trẻ, đẹp. Khi ông ngồi cùng ba bốn cô, khi ông lại rù rì với một người đẹp duy nhất. Đúng là ông có số đào hoa và dù đã ngoại ngữ tuần nhưng trái tim vẫn còn rất trẻ. Những lúc nhìn ông “say” như thế, tôi có cảm tưởng như ông cũng giống như những cậu trai 20 ngồi bên cô gái 18. Ông sống thật với rung cảm của mình. Có lẽ vì vậy thơ ông bao giờ cũng mang cái óng mượt, thần thoại rất đặc trưng. Có thể, Givral chính là nơi bắt nguồn cho những cánh thơ thăng hoa của cảm xúc này”.

Ông Văn Quang khen ông Đinh Hùng là khen mẽ. Ông cũng thuộc loại thượng thừa trong tình trường. Nhà văn Hoàng Hải Thủy, đã đặt cho ông biệt danh: “Thuyền trường 8 tầu”!

Givral là nơi tụ tập của đám phóng viên và ký giả ngoại quốc của UPI, AP, Paris Match...Tiểu thuyết gia lừng danh Graham Green, tác giả cuốn “The Quiet American” đã nhiều lần lui tới Givral và đã đưa nơi chốn nổi tiếng này vào truyện của ông. Năm 2002, đạo diễn Philippe Noyce đã chuyển truyện thành phim. Ông thuê hẳn tiệm Givral để tái hiện quang cảnh tiệm vào thời gian thập niên 1950-1960.

Năm 2001, tôi có việc gia đình ở Sài Gòn nên quay lại chốn cũ và ngồi tại Givral với bạn bè còn ở Sài Gòn. Bữa đó chúng tôi gồm Văn Quang, Trịnh Cung, Hà Túc Đạo, Nguyễn Quốc Thái và một người từ Mỹ về, nhà báo Nguyễn Khắc Nhân, vẫn có được Givral xưa. Không hiểu vào năm nào, người ta đã phá toàn khu Eden trong đó có Givral. Ngày 10/10/ 2012, Givral đã mở cửa lại nhưng là một Givral mới. Một mảnh ký ức Sài Gòn của chúng ta đã vụn vỡ!

(Còn tiếp)



Đường Tự Do nhìn từ nhà hàng Givral.



Đường Tự Do 1965.



Từ trái: Nhà báo Nguyễn Quốc Thái - họa sĩ Trịnh Cung - nhà văn Văn Quang - Song Thao - nhà báo Hà Túc Đạo - nhà báo Nguyễn Khắc Nhân (Nhà hàng Givral, Sài Gòn, 2001) - Nhà hàng Givral ngày nay (2026)



Nhà hàng Givral ngày xưa.



Nhà hàng Brodard.



Nhà hàng La Pagode - Một cảnh trong phim "Người Mỹ trầm lặng" quay tại nhà hàng Givral.